

Bản án số: 469 /2018/ DSST  
Ngày:12-10-2018  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Giàu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thanh Vân.

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Tuyết  
Trình - Kiểm sát viên.

Ngày 12/10/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trương Thị M, sinh năm 1987.(vắng mặt)

*Địa chỉ:* tầng 1 đường X, Phường Y, Quận L, Tp. Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông Hồng Thanh T, sinh năm 1978. (vắng mặt)

*Địa chỉ:* đường H, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/12/2016 giữa bà M và ông T có ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Đàm Sen. Theo hợp đồng bà M cho ông T vay số tiền 87.790.000 đồng,

thời hạn vay từ ngày ký hợp đồng đến ngày 22/8/2017, lãi suất không có. Ông T đã thanh toán cho bà M số tiền 20.000.000 đồng. Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số tiền 67.790.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Hồng Thanh T vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm Tố tụng. Yêu cầu của bà M là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Trương Thị M, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại điểm e, khoản 1 điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do ông Hồng Thanh T thay đổi địa chỉ nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện.

Ông Hồng Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Bà M cho ông T vay số tiền 87.790.000 đồng, có ký hợp đồng cho vay tiền ngày 23/12/2016 tại Văn phòng công chứng Đàm Sen, thời hạn vay từ ngày ký hợp đồng đến ngày 22/8/2017, lãi suất không có. Việc thỏa thuận vay tiền có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 401, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Do

đó, hợp đồng vay tiền là cơ sở pháp lý để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Ông T đã trả cho bà M số tiền 20.000.000 đồng còn nợ số tiền 67.790.000 đồng. Việc ông T chưa thanh toán tiền là vi phạm thời hạn thanh toán tiền vay được thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng vay tiền. Vì vậy, việc bà M yêu cầu ông T thanh toán số tiền 67.790.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M.

[4] Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án.

[5] Xét yêu cầu của bị đơn: Do bị đơn không đến Tòa nên Tòa án không thu thập được các lời khai, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng nên xét xử vắng mặt bị đơn.

[6] Theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì yêu cầu của bà Nhung được chấp nhận nên không phải chịu án phí, ông Phong phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 401, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị M.

1.1. Buộc ông Hồng Thanh T phải thanh toán cho bà Trương Thị M số tiền 67.790.000 (sáu mươi bảy triệu bảy trăm chín chục nghìn) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc trả tiền như bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

## 2. Án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm là 3.389.500 (ba triệu ba trăm tám mươi chín nghìn năm trăm) đồng, ông Hồng Thanh T chịu, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2 Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.694.750 (một triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu số 0013462 ngày 24/10/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 8.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM
- VKSND Q.8
- Chi cục THA DS Q8
- Các đương sự
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Giàu**

